

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

ĐỀ THI GỒM 80 CÂU (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 80) DÀNH CHO TẤT CẢ THÍ SINH.

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/ cụm từ gạch chân trong các câu sau.

Câu 1: 小阮是个很爱面子的人, 这次考试的成绩不太好, 你千万别告诉别人。

- A. 让别人看到好的方面 B. 希望得到表扬
C. 把成功的经验告诉别人 D. 希望自己成功

Câu 2: 我觉得营养过量和运动过少是造成很多人肥胖的原因。

- A. 缺乏 B. 太少 C. 太多 D. 不好

Câu 3: 中午他们都不回家吃饭, 我倒省心了。

- A. 不用做饭 B. 不用担心 C. 省钱了 D. 很高兴

Câu 4: 这栋楼的居住条件这样差, 相信很难会有理想的生活环境。

- A. 高效 B. 舒服 C. 满意 D. 合理

Câu 5: 嗨, 小张都长大了, 有的事你就睁一只眼, 闭一只眼吧。

- A. 只关心一半 B. 不用多管 C. 假装近视眼 D. 闭上眼睛

Câu 6: 在妻子的要求下, 丈夫除了让步就别无选择了。

- A. 不会选择让步 B. 从不选择 C. 不忍心选择 D. 没别的选择

Câu 7: 你别替他说情, 这样的人再不教育就晚了。

- A. 说好话 B. 介绍朋友 C. 说坏话 D. 介绍情况

Câu 8: 骗人是要付出代价的, 这你一开始就应该想到的。

- A. 价钱很高 B. 被批评 C. 挣不到钱 D. 受惩罚

Câu 9: 这样复杂的操作过程连大人都很难完成, 更何况是十一二岁的孩子!

- A. 而且 B. 何必 C. 别说 D. 不但

Câu 10: 嫂子的性格很开朗, 都四十岁了, 但还那么年轻, 真是“笑一笑, 十年少”。

- A. 性格好的人很年轻 B. 乐观能使人显得年轻
C. 乐观的人不会变老 D. 爱笑的人能年轻十岁

Câu 11: 你放心吧, 这个问题对我是小菜一碟, 准办好。

- A. 会做菜 B. 很方便 C. 愿意 D. 很容易

Câu 12: 昨天我们在联欢会上唱歌唱得很过瘾。

- A. 好听 B. 痛快 C. 热闹 D. 很晚

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau.

Câu 13: 科学家_____这种反常的现象作出了令人信服的解释。

- A. 对于 B. 由于 C. 关于 D. 至于

Câu 14: 我们姐妹俩从小就养成了饭前洗手的_____。

- A. 习性 B. 习俗 C. 习惯 D. 练习

Câu 15: 那天我没有仔细看, 所以对他的才艺表演只是有一个_____的印象。

- A. 概念 B. 大概 C. 大约 D. 大批

- Câu 16:** 越南人民的胜利多么不容易_____!
- A. 呢 B. 吧 C. 啊 D. 啦
- Câu 17:** 我承认荣誉很有价值, _____我从来不曾为追求这些荣誉而工作。
- A. 甚至 B. 不过 C. 则 D. 却
- Câu 18:** 飞机_____就要起飞了, 请大家系好安全带。
- A. 顿时 B. 马上 C. 赶忙 D. 立刻
- Câu 19:** 你放心, 这种绿色食品_____受顾客欢迎, _____不愁没有市场。
- A. 除了……还…… B. 只要……就…… C. 不管……都…… D. 只有……才……
- Câu 20:** 只要打个电话人家就把货送来, 你_____要自己去呢?
- A. 未必 B. 一定 C. 不必 D. 何必
- Câu 21:** 到了红绿灯那儿_____右拐, 走不远就是儿童游乐区。
- A. 对 B. 凭 C. 给 D. 向
- Câu 22:** 王师傅设计的这套家具_____好看_____实用。
- A. 既……就…… B. 一边……一边……
C. 既……又…… D. 边……边……
- Câu 23:** 你怎么在这种场合开他的玩笑, 弄_____人家很尴尬。
- A. 地 B. 的 C. 得 D. 着
- Câu 24:** _____对外经济贸易谈判_____, 这位女部长常使对手折服。
- A. 在……中 B. 在……下 C. 在……里 D. 在……内
- Câu 25:** 酒后开车很危险, _____只喝了一点儿, 发生车祸的几率_____非常大。
- A. 不只……而且…… B. 即使……也……
C. 不论……都…… D. 要是……就……
- Câu 26:** 每天早餐过后, 我会走进书房, 读一读, 写一写, 累_____就泡一杯清茶, 听一首歌。
- A. 得 B. 了 C. 着 D. 过
- Câu 27:** 去年, 裁剪小组_____地完成了公司交给的任务, 因此得到领导的表扬。
- A. 出名 B. 有名 C. 优秀 D. 出色
- Câu 28:** 快要办出境手续了, 但护照_____找也找不着了, 王兰急得出了一身汗。
- A. 什么 B. 那么 C. 这样 D. 怎么
- Câu 29:** 音乐_____属于伟大的音乐家, _____属于茫茫人海中的每一个人。
- A. 因为……所以…… B. 不但……反而……
C. 不仅……还…… D. 不论……都……
- Câu 30:** 今天正是个好机会, 我可以向他_____东南亚股票市场的情况。
- A. 知道 B. 了解 C. 明白 D. 理解
- Câu 31:** 自从开了自己的网店后, 我的生活跟以前完全不同了, 有时间就待在网上, _____逛街的兴趣都没了。
- A. 甚至 B. 即使 C. 不但 D. 因为
- Câu 32:** _____今年春季雨量充足, _____夏粮获得了大丰收。
- A. 与其……不如…… B. 一旦……就……
C. 因为……所以…… D. 固然……但是……
- Câu 33:** _____知道那些都不是正当理由, 那你当时为什么还同意他请假呢?
- A. 要是 B. 即使 C. 虽然 D. 既然
- Câu 34:** 各所学校_____都提出为学生的德、智、体全面发展的计划, _____到目前为止未能彻底地实现。
- A. 既然……就…… B. 哪怕……也……
C. 由于……因此…… D. 虽然……但是……

Câu 35: 花园_____的花卉不能摘, 你又不是不知道!

- A. 里 B. 上 C. 中 D. 下

Câu 36: _____少睡点儿觉, _____把这篇文章写完。

- A. 宁可……也要…… B. 无论……也……
C. 除非……要不…… D. 尽管……但是……

Câu 37: 这么多事, 老张一个人怎么做得_____呢。

- A. 下去 B. 过来 C. 起来 D. 下来

Câu 38: 导游给我们介绍的这_____独柱寺是河内有名的景点之一。

- A. 座 B. 根 C. 条 D. 块

Đọc kỹ đoạn văn dưới đây và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D), từ câu 39 đến câu 43.

一般家庭都在早上起床后开窗换气, 认为此时空气新鲜。其实, 空气新鲜不新鲜, 取决于污染的轻重, 取决于污染源的多少。

当地面温度高于高空温度时, 地面的空气上升, 污染物容易被带到高空扩散; 当地面温度低于高空温度时, 天空中就容易形成“逆温层”, 它像一个大盖子一样盖在地面上空, 使地面空气中各种污染物难以扩散。一般在夜间、早晨和傍晚地面温度低于高空温度时, 容易出现逆温层, 所以, 此时空气最不干净。白天太阳出来后, 地面温度迅速上升, 逆温层就会逐渐消散, 于是污染物也就很快扩散了。

据科学家们检测, 在一天二十四小时中, 上午、中午和下午空气污染很轻, 其中上午十时至下午三四点空气最为新鲜, 所以此时换气最佳; 早上、傍晚和晚上空气污染较为严重, 其中尤以早上七点左右为污染高峰时间, 空气最不新鲜。

(据1997年4月3日《羊城晚报》, 有删改)

Câu 39: 为什么一般家庭在早上起床后开窗换气?

- A. 起床后顺手开窗 B. 认为早上空气新鲜
C. 早上天气凉快 D. 认为早上的阳光对身体有好处

Câu 40: 什么时候开窗换气比较好?

- A. 上午和下午 B. 下午和傍晚 C. 晚上和夜间 D. 早上和上午

Câu 41: 什么时候空气比较新鲜?

- A. 地面温度和高空温度一样时 B. 早上太阳刚出来时
C. 高空温度低于地面温度时 D. 地面温度低于高空温度时

Câu 42: “逆温层”的主要作用是:

- A. 使污染物容易扩散 B. 像盖子一样盖在地面上空
C. 使污染物不易扩散 D. 使地面温度低于高空温度

Câu 43: 本文没有提到的内容是:

- A. 开窗换气的最佳时间 B. 一般家庭开窗换气的习惯
C. 形成逆温层的原因 D. 污染物的来源

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau, từ câu 44 đến câu 53.

(44)_____, 买东西总要上街去买, 现在, 呆在家里也能买到东西。网上购物已经成为一种新的购物方式。网上购物 (45)_____通过因特网来购物。在网上怎么样购物呢? 比如, 一家名 (46)_____“啥都有”的网上商店, 它的主页上列着商品种类的名称, 如化妆品、鞋帽、计算机、家用电器、服装等等。(47)_____你用鼠标点一下化妆品, 会展示一个关于化妆品的主页, 在这个主页上会有各种各样的品牌, 当你找到自己感兴趣的化妆品时, 用鼠标点一下, (48)_____出现一个网页, 上面详细介绍了该产品的特点、价格等有关问题。(49)_____, 网页上会有一个表格, 列有姓名、地址、购买数量、总金额、付钱方式等, 供你决定购买时填写。填了这个表格 (50)_____完成了购物, 商店会把东西送到你的家里。网上

购物有几个优点：首先，你可以对感兴趣的商店做详细的了解。(51)_____，你可以到各个网上商店了解各个品牌的情况，十分方便。还有，你不会(52)_____上街购物那么累。对一部分消费者来说非常(53)_____的一点是价格便宜。你自己可以试一试。

(摘自 百度网——百科知识，有删改)

- Câu 44:** A. 以往 B. 往来 C. 目前 D. 将来
Câu 45: A. 就是 B. 不是 C. 还是 D. 而是
Câu 46: A. 成 B. 当 C. 为 D. 起
Câu 47: A. 如果 B. 既然 C. 不管 D. 哪怕
Câu 48: A. 却 B. 也 C. 又 D. 再
Câu 49: A. 因而 B. 因此 C. 同时 D. 相同
Câu 50: A. 就 B. 为了 C. 将 D. 还
Câu 51: A. 其次 B. 然后 C. 次要 D. 最后
Câu 52: A. 比 B. 像 C. 如 D. 具有
Câu 53: A. 重要 B. 重大 C. 主要 D. 主张

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau.

- Câu 54:** 这个数码照相机质量很好，只是价钱有点儿贵，我买不起。
A. 连词 B. 副词 C. 动词 D. 名词
Câu 55: 出国学习这一年使我感受到独立生活的不易。
A. 名词 B. 形容词 C. 代词 D. 动词
Câu 56: 《红苹果别墅》这部电视连续剧很不错，我想接着看下去。
A. 形容词 B. 副词 C. 连词 D. 名词
Câu 57: 姐姐看着弟弟着急地问：“你的脸色怎么这么苍白呢？”
A. 副词 B. 代词 C. 名词 D. 形容词
Câu 58: 要是什么都要学就够你学一辈子的。
A. 量词 B. 代词 C. 动词 D. 名词
Câu 59: 离开老师已经近三十年了，但他仍然在我的记忆里行走、微笑。
A. 助词 B. 副词 C. 动词 D. 介词

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

- Câu 60:** Phiên âm đúng của từ 报刊 là: bào _____ ān.
A. h B. k C. p D. g
Câu 61: Phiên âm đúng của từ 中毒 là: _____.
A. zhōngdǔ B. zhōngdú C. zhòngdú D. zhòngdǔ
Câu 62: Phiên âm đúng của từ 脸颊 là: liǎnj _____.
A. ié B. uán C. iá D. ián
Câu 63: Phiên âm đúng của từ 教书 là: _____.
A. jiāoshù B. jiàoshū C. jiàoshù D. jiāoshū
Câu 64: Phiên âm đúng của từ 虔诚 là: _____ iánchéng.
A. q B. j C. x D. m
Câu 65: Phiên âm đúng của từ 招揽 là: zhāol _____.
A. ǐn B. iǎn C. ǎng D. ǎn
Câu 66: Phiên âm đúng của từ 规模 là: g _____ mó.
A. iū B. uān C. uī D. ān

Câu 67: Phiên âm đúng của từ 自卑 là: zì _____ ěi.

A. p

B. n

C. d

D. b

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 68: 这样雄伟的_____, 竟然只用了半年的时间就完成了。

A. 健筑

B. 建筑

C. 健巩

D. 建巩

Câu 69: 学生们要为祖国工业化、现代化的事业做出应有的_____。

A. 页献

B. 喷献

C. 贡楠

D. 贡献

Câu 70: 时代不同了, 再按照老_____来做事就可能行不通了。

A. 规臣

B. 规矩

C. 规炬

D. 规距

Câu 71: 父母的_____说不完, 道不尽, 我们每个人要铭刻在心。

A. 恩晴

B. 恩情

C. 恩情

D. 恩情

Câu 72: 她是我们学校品学_____的学生。

A. 兼尤

B. 谦优

C. 兼优

D. 谦尤

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

Câu 73: A 对于 B 社会上的 C 现象 D 要坚决抵制。(不良)

Câu 74: 这些模型都是 A 与实物一比二的 B 比例 C 缩小后 D 制成的。(按照)

Câu 75: A 站在那群 B 里边的 C 是大家喜欢的 D 影星。(最)

Câu 76: 很多 A 领导人都 B 曾经在 C 工作 D 过很长时间。(最普通的岗位上)

Câu 77: 应该 A 把 B 控制人口数量和 C 提高人口素质 D 为我国第一项基本国策。(确定)

Câu 78: 一位伟人说过: “不热烈 A 勇敢 B 追求 C 成功而能取得 D 成功, 世上绝无这样的人。”(地)

Câu 79: 你们怎么现在才回来 A ? 大家已经在这儿 B 等了 C 你们 D 了。(半天)

Câu 80: 我按他 A 的地址 B 找到了 C 他的家 D 。(留下来)

----- HẾT -----